



PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

TÔ THỊ NHUNG

Kinh tế thị trường là sự phát triển tất yếu trong tiến trình phát triển của xã hội. Nền kinh tế thị trường ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tuân thủ các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, đồng thời gắn mục tiêu phát triển kinh tế với mục tiêu phát triển xã hội, phát triển con người do đó vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước lại càng trở nên quan trọng. Trong bối cảnh mới, với tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là sự biến động khó lường của kinh tế, chính trị thế giới sau đại dịch COVID-19, việc phát triển kinh tế đứng trước những cơ hội lớn và đi cùng với đó là những thách thức không nhỏ. Trong bối cảnh đó, để phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam cần triển khai đồng bộ các giải pháp.

Từ khóa: Kinh tế thị trường, Việt Nam, chủ thể kinh tế, Cách mạng công nghiệp 4.0

DEVELOPING A SOCIALIST-ORIENTED MARKET ECONOMY IN VIETNAM IN A NEW CONTEXT

To Thị Nhung

Development of market economy is an inevitable trend of the social life. Vietnam operates market economy in the form of a socialist-oriented market economy, complying with objective laws, sticking economic with social and human development goals, thus, the management role of the State is even more important. In the new context, with the strong impact of the Industrial Revolution 4.0, especially the unpredictable fluctuations of the world economy and politics after the COVID-19 pandemic, economic development faces great opportunities as well as challenges. In such context, to develop the market economy in Vietnam, it is necessary to implement multiple solutions synchronously.

Keywords: Market economy, Vietnam, economic actors, Industrial Revolution 4.0

Ngày nhận bài: 25/6/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 12/7/2022

Ngày duyệt đăng: 18/7/2022

Tình hình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Sau 35 năm đổi mới nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN) ở Việt Nam đã

đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đưa nước ta ra khỏi nước thu nhập thấp, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Cơ chế, chính sách quản lý kinh tế ngày càng được hoàn thiện, điều chỉnh phù hợp với tình hình mới... Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam được duy trì ở mức cao, bình quân tăng từ 4,45%/năm trong giai đoạn 1986 - 1990 lên 8,19%/năm giai đoạn 1991 - 1995. Trong những giai đoạn sau, tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy có chậm lại, song vẫn ở mức khá trong bối cảnh nền kinh tế liên tục đối diện với không ít khó khăn, thách thức xuất phát từ những yếu tố bên ngoài và bên trong. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 1996 - 2000 đạt 6,96%/năm; giai đoạn 2001 - 2005 đạt 7,33%, giai đoạn 2006 - 2010 đạt 6,32%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 là 5,91% và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,99%. Năm 2021, mặc dù đại dịch COVID-19 ảnh hưởng lớn đến kinh tế Việt Nam nhưng tăng trưởng kinh tế nước ta vẫn đạt mức 2,58%. Năm 2022, với những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong việc hỗ trợ và phục hồi sau đại dịch, kinh tế Việt Nam đã từng bước vượt qua khó khăn, đạt mức tăng trưởng cao. Cụ thể, quý II/2022, tăng trưởng kinh tế đạt 7,72% - mức tăng trưởng cao nhất trong hơn một thập kỷ qua, đưa tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2022 đạt 6,42%.

Tăng trưởng GDP được đảm bảo đã tạo điều kiện mở rộng quy mô nền kinh tế. Tính theo giá hiện hành, quy mô GDP năm 2021 của Việt Nam đã đạt hơn 368 tỷ USD, tăng gấp gần 36 lần so với quy mô tương ứng của năm 1991. Chỉ số xếp hạng về quy mô GDP được cải thiện rõ rệt, từ vị trí thứ 76 thế giới năm 1991 đã



tăng lên thứ 41 vào năm 2021 (Năm 2021, Việt Nam đứng thứ 5 trong khu vực ASEAN về GDP. Tháng 6/2022, Quỹ Tiền tệ Quốc tế dự báo, năm 2025, GDP Việt Nam sẽ vươn lên vị trí thứ 3 trong khu vực, chỉ xếp sau Indonesia và Thái Lan). Tiềm lực kinh tế được tăng cường, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên bản đồ kinh tế thế giới và khu vực.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế cũng dần được cải thiện, thể hiện qua sự đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng, ngoài các yếu tố vốn, lao động và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tỷ lệ đóng góp của TFP trong tăng trưởng GDP năm 2019 đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 45,7%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,6% của giai đoạn 2011 - 2015. Điều này cho thấy, sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế theo hướng tập trung vào chất lượng tăng trưởng: Nâng cao chất lượng lao động, hiệu quả sử dụng vốn, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ và tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Việt Nam đã chủ động hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới. Hiện nay, có 69 nước công nhận Việt Nam có nền KTTT đầy đủ, Việt Nam đã ký kết và đang đàm phán 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, trong số đó, 12 FTA đã có hiệu lực và đang thực thi. Nổi bật là các FTA thế hệ mới: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA); Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định thương mại tự do ASEAN+1.

Tuy đã đạt nhiều thành tựu ấn tượng, nhưng tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam vẫn còn thiếu bền vững, chủ yếu tăng trưởng dựa trên đầu tư vốn và tăng trưởng tín dụng, trong khi chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu, dựa trên năng suất các yếu tố tổng hợp mà căn bản là khoa học công nghệ và tri thức. Khoảng cách giữa Việt Nam và thế giới có xu hướng ngày càng bị nới rộng (cách đây 30 năm, GDP bình quân đầu người bình quân của thế giới hơn Việt Nam 3.900 USD, đến nay khoảng cách đã là hơn 8.000 USD và khoảng cách này tiếp tục tăng qua các năm)...

Bối cảnh mới tác động đến phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Phát triển nền kinh tế là tất yếu khách quan, có sự thay đổi tùy thuộc vào các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Ngày nay, các tác động càng có xu hướng nhanh và mạnh hơn. Việc nhận diện được các nhân tố, đặc biệt là xu hướng và mức độ tác động sẽ tạo thế chủ động cho Việt Nam trong việc tìm giải pháp ứng phó phù hợp, kịp thời.

Thứ nhất, Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0)

với đặc trưng của công nghệ vật lý, công nghệ số, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo... hình thành nên những công nghệ mới, giúp nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của con người tăng nhanh, tạo nền tảng cho sự vận động và phát triển các quan hệ kinh tế, quan hệ xã hội, quan hệ quốc tế...

Trong cuộc CMCN 4.0, nguy cơ bị “bỏ lại phía sau” đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội, chênh lệch giữa các khu vực, vùng miền có xu hướng gia tăng với mức độ và tốc độ ngày càng cao. Điều này tạo ra khó khăn lớn hơn cho việc xây dựng định hướng XHCN ở Việt Nam, khi phát triển kinh tế kết hợp với đảm bảo công bằng xã hội.

Thứ hai, đại dịch COVID-19 gây ra những thay đổi trật tự kinh tế thế giới theo xu thế đa cực, đa trung tâm; dòng chảy thương mại, đầu tư cũng có những biến động mạnh mẽ, khó lường. Những tác động tiêu cực từ đại dịch đến kinh tế thế giới trở lên trầm trọng hơn trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, thế giới trở nên phẳng hơn...

Dưới tác động của dịch COVID-19, xu hướng chủ nghĩa dân tộc sẽ ngày càng phát triển, thúc đẩy xu hướng dịch chuyển các lĩnh vực sản xuất cốt lõi của các doanh nghiệp đa quốc gia về bản địa (như xu hướng đã và đang diễn ra tại Mỹ). Xu hướng này sẽ làm hạn chế thương mại toàn cầu và tác động trực tiếp đến các nền kinh tế có độ mở cao như Việt Nam. Với việc tổng kim ngạch xuất nhập khẩu xấp xỉ 2 lần GDP, Việt Nam sẽ cần nhiều giải pháp hiệu quả để ứng phó.

Thứ ba, xu hướng đan xen giữa tự do hóa thương mại với bảo hộ mậu dịch tiếp tục kéo dài; vai trò của các thể chế kinh tế quốc tế bị suy yếu. Các FTA sẽ giúp thúc đẩy tự do hóa thương mại đi liền với việc gia tăng các hàng rào bảo hộ thương mại phi thuế quan. Xu hướng ký kết các FTA song phương đang và sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong giai đoạn tới.

Phạm vi điều chỉnh của các FTA cũng rộng hơn, không chỉ là cắt giảm thuế quan và tạo thuận lợi thương mại, mà còn các lĩnh vực liên quan đến cách thức sản xuất hàng hóa (dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh, mua sắm công), mức độ tự do hóa cao và hình thành trên cơ sở liên kết giữa các đối tác thuộc các khu vực địa lý khác nhau, đặc biệt là giữa các nước phát triển và đang phát triển.

Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nền kinh tế trong bối cảnh mới

Trong bối cảnh kinh tế quốc tế nhiều biến động, để duy trì ổn định vĩ mô và phát triển kinh tế theo hướng bền vững, Việt Nam cần tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nền kinh tế, đồng thời giữ vững được định hướng XHCN.



Hoàn thiện thể chế, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước trong nền KTTT định hướng XHCN

Việt Nam cần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Đây được là giải pháp quan trọng, nền tảng để nâng cao hiệu quả sản xuất trong nước, đồng thời củng cố thêm niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài, nhằm thu hút nhiều hơn nữa nguồn vốn FDI, nhất là trong bối cảnh nguồn vốn này đang có xu hướng dịch chuyển mạnh mẽ khỏi Trung Quốc.

Kinh tế nhà nước với vai trò dẫn dắt nền kinh tế cần phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của mình. Tiếp tục đầu tư vào những lĩnh vực, ngành nghề mà tư nhân không làm được hoặc làm không hiệu quả, chú trọng việc sản xuất các sản phẩm thiết yếu như y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ nhằm tăng cường tính chủ động và khả năng chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước, nâng cao hiệu quả của cải cách thủ tục hành chính cần tập trung quyết liệt đưa công nghệ thông tin vào nền hành chính

Cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, thủ tục tạo môi trường thuận lợi thu hút những nhà đầu tư nước ngoài là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà nước; Nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về kinh tế số, các lợi ích và thách thức đi kèm, có chính sách huy động mọi nguồn lực của xã hội, của Nhà nước và tư nhân vào đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật số.

Tập trung xây dựng kế hoạch quốc gia về chuyển đổi số nhằm tạo thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế số, hình thành đồng bộ hạ tầng số quốc gia. Để đạt mục tiêu này, cần xây dựng và công bố quy hoạch ngành về ứng dụng công nghệ thông tin để làm cơ sở ban hành các chuẩn tra đổi thông tin giữa các cơ quan, đơn vị, qua đó tạo sự liên kết, đồng bộ trong quá trình đầu tư và phát triển hạ tầng.

Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tiềm lực của các doanh nghiệp trong nước trên các phương diện tài chính; khoa học và công nghệ; trình độ quản lý; khả năng tiếp cận thị trường

Cần có cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng khả năng huy động nguồn lực tài chính thông qua phát triển đồng bộ các thị trường vốn, thị trường tiền tệ. Có cơ chế phân bổ nguồn lực đầu tư cho phát triển thực sự hiệu quả, khắc phục đầu tư dàn trải, đầu tư mà cơ sở xác định hiệu quả chưa thực sự rõ ràng. Cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận vốn của

nông dân, của các nhóm thiểu số trong xã hội.

Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ đồng thời có thêm giải pháp huy động nguồn lực tài chính ngoài ngân sách cho phát triển khoa học và công nghệ. Tiếp tục đầu tư cho giáo dục, đào tạo nghề; nâng cao kỹ năng làm việc của người lao động, coi đây là "quốc sách", chiến lược lâu dài phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và an sinh xã hội

Thời gian qua, nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đã được Chính phủ đưa ra, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân gặp khó khăn do tác động từ các "cú sốc", nhất là với sự xuất hiện của đại dịch COVID-19. Để các gói hỗ trợ đạt hiệu quả, cần đảm bảo tính công khai, minh bạch, cũng như xác định đúng đối tượng, đúng tiêu chí và mức độ hỗ trợ phù hợp, điều quan trọng là đảm bảo thời gian nhanh nhất đến được với doanh nghiệp và người dân. Bên cạnh hỗ trợ về tài chính, Nhà nước cần có các giải pháp hỗ trợ về thị trường tiêu thụ thông qua xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; hỗ trợ khoa học kỹ thuật, đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế

Rà soát, điều chỉnh bổ sung hệ thống pháp luật và cơ chế liên quan đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp điều hành giữa các bộ, ngành, địa phương trong thực thi các cam kết hội nhập và tiếp cận thị trường. Đổi mới công tác xúc tiến thương mại và đầu tư, cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Nâng cao năng lực phòng ngừa, giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế...

Tài liệu tham khảo:

1. Tổng cục Thống kê (2022), Báo cáo kinh tế xã hội quý 2 và 6 tháng đầu năm 2022;
2. Đặng Xuân Hoan (2020), Yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí cộng sản điện tử ngày 12/1/2020; <http://tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/815789/yeu-cau-doi-moi-quan-ly-nha-nuoc-doi-voi-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam-hien-nay.aspx>;
3. Mai Khanh (2020), Đầu tư công, liều thuốc cho nền kinh tế trong đại dịch? Thời báo kinh tế Sài Gòn, ngày 16/4/2020, trang 17;
4. Thuý Linh (2022), Kinh tế số Việt Nam đạt 21 tỷ USD, Báo Pháp luật điện tử.

Thông tin tác giả:

ThS. Tô Thị Nhung - Học viện Chính trị khu vực 1

Email: nhunghv1@gmail.com